TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA VIỄN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Hoàng Giáp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến.
Ông Nguyễn Văn Tăng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Như Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Viễn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST – HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Vũ Thị H1**,** sinh năm 1989.

Nơi cư trú: ngách 39/91 đường LVT, phố P, phường PT, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* anh Đặng Quang H2, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: xóm HL, xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình.

Chị H1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2021, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị H1 trình bày: Chị và anh Đặng Quang H2, sinh năm 1986 được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/10/2007 tại UBND xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh H2 ở xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. Đến năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến thường xuyên to tiếng cãi cọ nhau đôi khi va chạm xô sát với nhau. Đến năm 2010 cho đến nay chị và anh H2 đã sống ly thân nhau hoàn toàn, không ai quan tâm đến ai. Chị H1 đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại ngách 39/91 đường Lương Văn Tụy, phố Phúc Tân, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình để sinh sống. Hiện nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải

hàn gắn được nên chị làm đơn đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Quang H2.

Về con chung*:* Chị Vũ Thị H1 và anh Đặng Quang H2 có một con chung là cháu Đặng Vũ Khôi Ng, sinh ngày 06/4/2008, hiện nay cháu đang ở với chị H1. Khi ly hôn chị H1 đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không đề nghị anh H2 phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H1 xác định hai vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng nhưng anh H2 đã không đến Tòa án làm việc.

Tòa án đã đến nơi cư trú của bị đơn để xác minh làm rõ; theo lời trình bày của người làm chứng là bà Vũ Thị V (là mẹ đẻ anh Đặng Quang H2) thì: Chị H1 và anh H2 có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình và được gia đình tổ chức đám cưới theo nghi lễ truyền thống. Hai anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau. Sau khi cưới nhau, anh H2 và chị H1 chung sống cùng gia đình bà ở xóm Hoàng Long, xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. Vì sống cùng nên bà Viễn hiểu rất rõ mâu thuẫn của vợ chồng anh H2, chị H1 là do kinh tế vợ chồng khó khăn anh H2 phải thường xuyên đi làm dẫn đến không quan tâm với vợ con, làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Đến khoảng năm 2010 đến nay thì anh H2, chị H1 sống ly thân nhau hoàn toàn. Chị H1 đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở thành phố Ninh Bình sinh sống. Anh H2 và chị H1 có một con chung cháu tên là Đặng Vũ Khôi Ng, sinh năm 2008. Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng anh H2 không có gì. Hiện nay anh H2 đang đi làm công nhân trên địa bàn huyện Gia Viễn, nhưng bà không biết cụ thể là ở công ty nào. Anh H2 đi làm buổi sáng và tối trở về nhà sinh sống cùng ông bà ở xóm Hoàng Long, xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. Các văn bản tố tụng liên quan đến việc ly hôn của anh H2 đã được gửi qua đường bưu điện và cán bộ Tòa án đi tống đạt thì gia đình đều nhận được và thông báo cho anh H2 biết. Tuy nhiên do công việc bận nên anh H2 không lên Tòa án làm việc được.

Tại phiên toà, các đương sự đều vắng mặt .

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn trình bày ý kiến việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị: Xử cho chị Vũ Thị H1 được ly hôn anh Đặng Quang H2; Về con chung đề nghị giao cháu Đặng Vũ Khôi Ng cho chị Vũ Thị H1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi; anh H2 không phải đóng góp tiền nuôi con chung, không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; chị H1 phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn với bị đơn là anh Đặng Quang H2 có nơi cư trú tại: xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. Quá trình tố tụng, vụ việc được chuyển sang thủ tục hòa giải đối thoại tại Tòa án, tuy nhiên việc hòa giải, đối thoại đã chấm dứt theo khoản 3 Điều 40 Luật Hòa giải Đối thoại tại Tòa án. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh Đặng Quang H2. Anh Đặng Quang H2 vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Anh Đặng Quang H2 vắng mặt không có lý do lần thứ 2 tại phiên tòa, chị H1 vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H2, chị H1 theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị H1 và anh Đặng Quang H2 được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/10/2007 tại UBND xã G, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. Viêc kết hôn của chị H1, anh H2 đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị Vũ Thị H1 với anh Đặng Quang H2 là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, trình bày và quan điểm của nguyên đơn trong bản tự khai, trong biên bản hòa giải và lời khai của người làm chứng: thì quá trình chung sống chị H1 và anh H2 hạnh phúc được khoảng 2 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau. Thực tế từ năm 2010 đến nay, chị H1 và anh H2 đã sống ly thân nha, thời gian hơn 10 năm nay không ai quan tâm đến ai. Anh H2 mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án, cũng đã biết được việc Tòa án triệu tập lên làm việc, hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh H2 vẫn cố tình vắng mặt không lên Tòa án. Như vậy, chứng tỏ anh H2 không có thiện chí, không hợp tác để Tòa án hòa giải hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Vũ Thị H1 và anh Đặng Quang H2 đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị H1.

[3]. Về con chung: Qua trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ xác định chị H1, anh H2 có 01 con chung là cháu Đặng Vũ Khôi Ng, sinh ngày

06/4/2008. Hiện nay, cháu đang ở với chị H1. Khi ly hôn chị H1 muốn được trực tiếp nuôi con và không đề nghị anh H2 phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy bản thân chị H1 và anh H2 đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha, mẹ đối với con của mình và anh chị đều là người có đủ điều kiện sức khỏe, có khả năng tạo ra thu nhập và các điều kiện khác để chăm con chung thật tốt. Tuy nhiên, xét thấy hiện nay cháu Khôi Ng đã ở cùng chị H1 trong một thời gian dài, chị H1 cũng chăm sóc cháu rất tốt, đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho cháu học tập và phát triển; bản thân cháu Ng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu cần tiếp tục giao cho chị Vũ Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đặng Vũ Khôi Ng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: chị H1 là người có đủ khả năng lao động và có thu nhập ổn định nên chị H1 có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung được tốt. Mặt khác, chị H1 cũng không đề nghị anh H2 phải cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của chị H1 là hoàn toàn phù hợp, cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị H1 xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H2 vắng mặt không có ý kiến đề nghị giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của hai vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H1.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Vũ Thị H1 được ly hôn anh Đặng Quang H2.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đặng Vũ Khôi Ng, sinh ngày 06/4/2008 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đặng Quang H2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Vũ Thị H1.

Anh H2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mình không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Vũ Thị H1 xác định không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2021/0004011 ngày 06/01/2022.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: "Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKS huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS Gia Viễn;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

Lã Hoàng Giáp